

THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	FPT	96.163.801	109.956.457
2	HPG	320.890.036	321.890.036
3	MSN	52.044.899	52.344.899
4	SHB	335.688.572	336.688.572
5	SSB	177.441.376	178.441.376
6	STB	130.298.911	130.798.911
7	VHM	211.864.490	212.176.026
8	VIC	207.205.918	207.355.918
9	VNM	50.447.484	50.653.854
10	VPB	304.304.484	305.060.951

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 29/09/2026 như sau:

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.845.531.449	484.553.144	405.272.444
2	FPT	1.885.727.648	1.517.445.038	151.744.503	109.956.457
3	HDB	5.005.276.323	3.830.037.442	383.003.744	353.530.543
4	HPG	8.442.964.520	4.763.520.582	476.352.058	321.890.036
5	LPB	2.987.282.100	2.639.263.735	263.926.373	257.434.707

6	MBB	10.068.749.885	4.561.143.697	456.114.369	354.901.433
7	MSN	1.460.374.611	825.987.879	82.598.787	52.344.899
8	MWG	1.475.694.086	1.104.261.884	110.426.188	71.348.929
9	SHB	5.343.703.838	3.822.885.725	382.288.572	336.688.572
10	SSB	3.468.800.000	1.830.485.760	183.048.576	178.441.376
11	SSI	3.001.302.333	1.993.465.009	199.346.500	199.346.500
12	STB	1.885.215.716	1.730.250.984	173.025.098	130.798.911
13	TCB	7.086.240.414	3.825.152.575	382.515.257	307.784.971
14	VHM	8.214.824.008	2.322.330.747	232.233.074	212.176.026
15	VIB	3.735.386.252	2.040.641.509	204.064.150	151.505.461
16	VIC	7.762.186.429	2.155.559.171	215.555.917	207.355.918
17	VJC	769.092.961	249.416.847	24.941.684	24.056.655
18	VNM	2.089.955.445	811.947.690	81.194.769	50.653.854
19	VPB	7.933.923.601	4.187.524.876	418.752.487	305.060.951
20	VRE	2.272.318.410	901.428.713	90.142.871	59.249.782